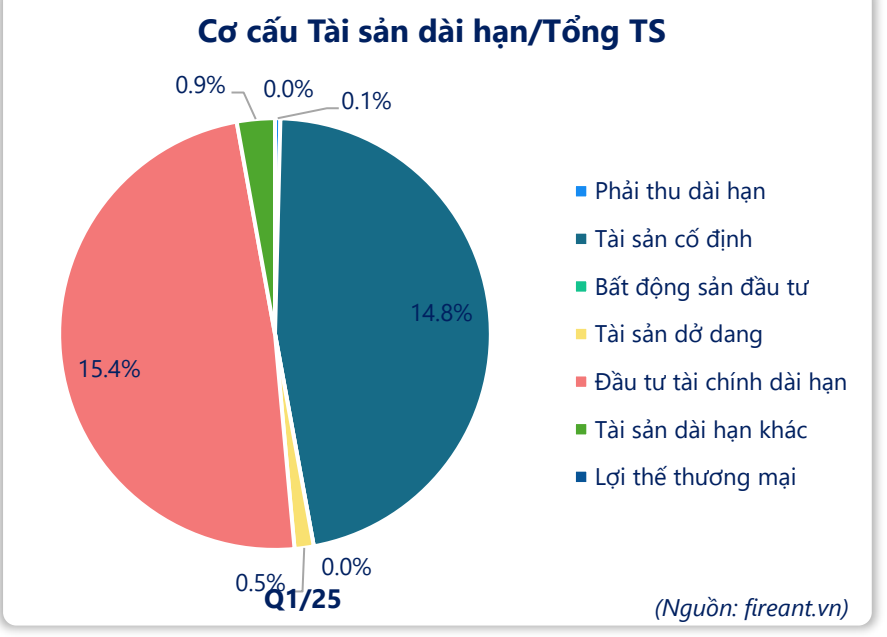
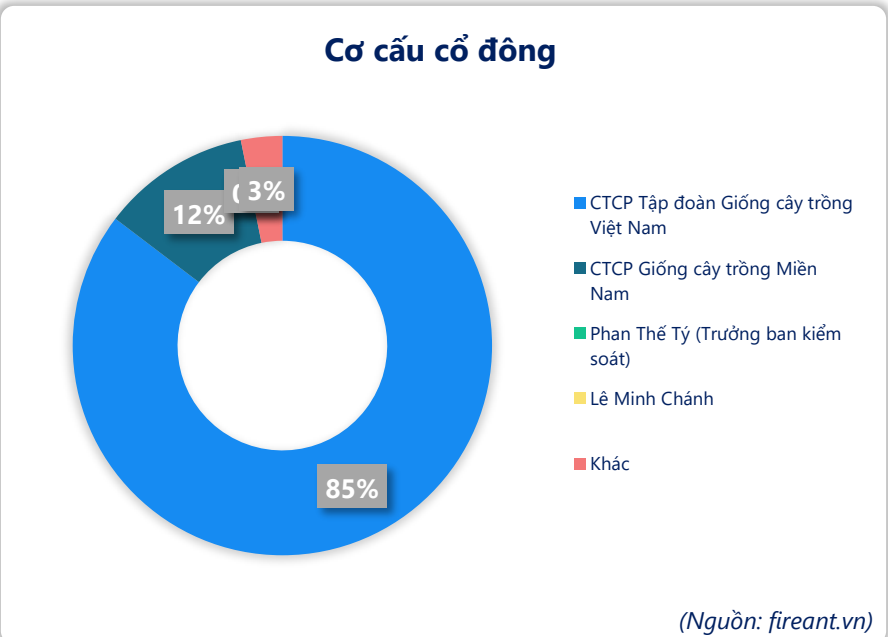
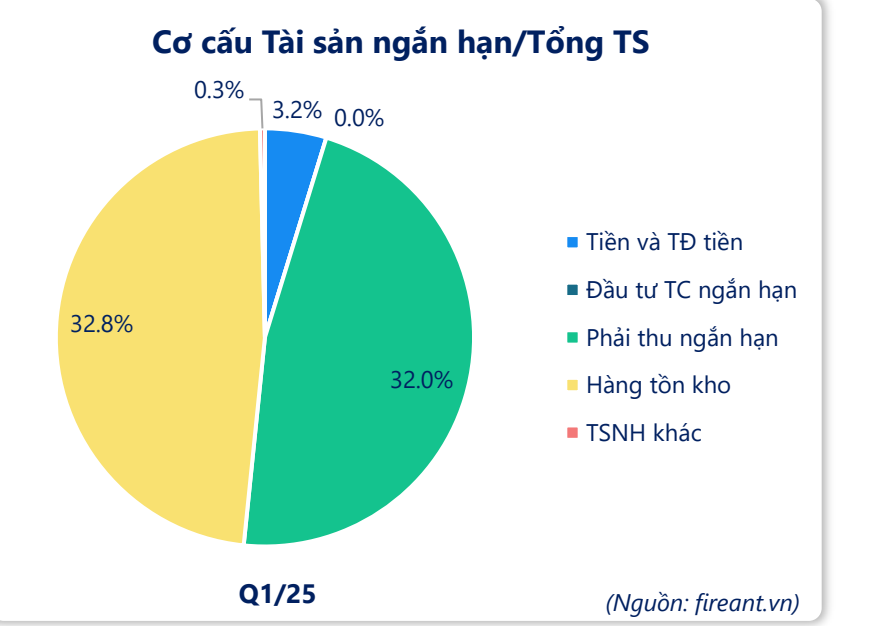
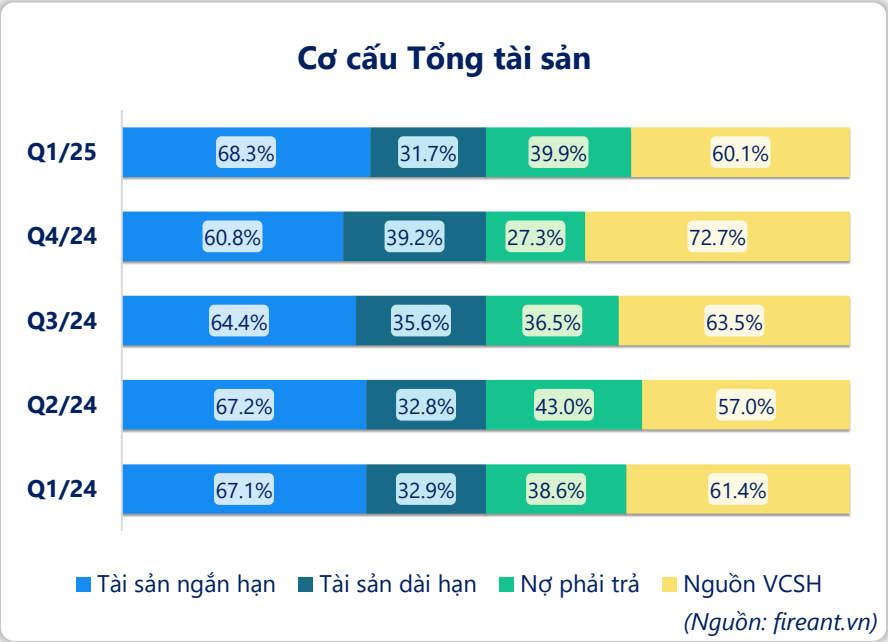
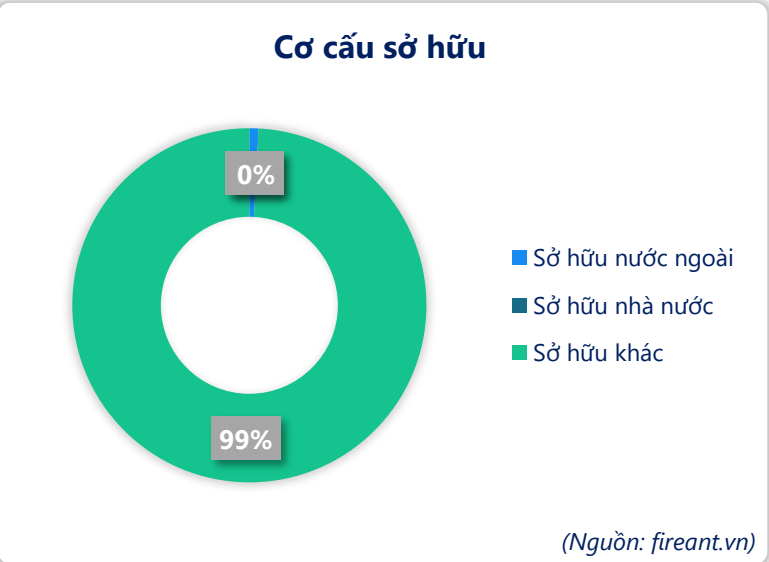
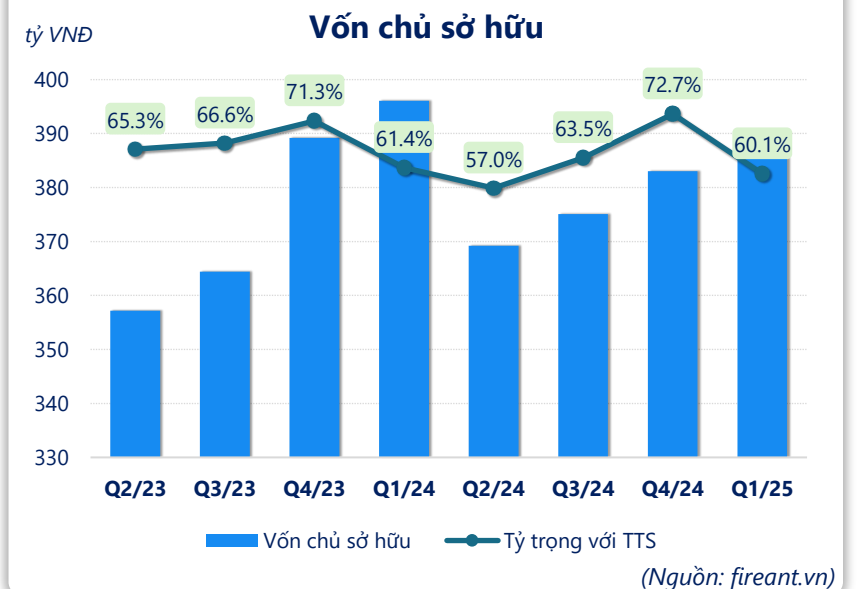
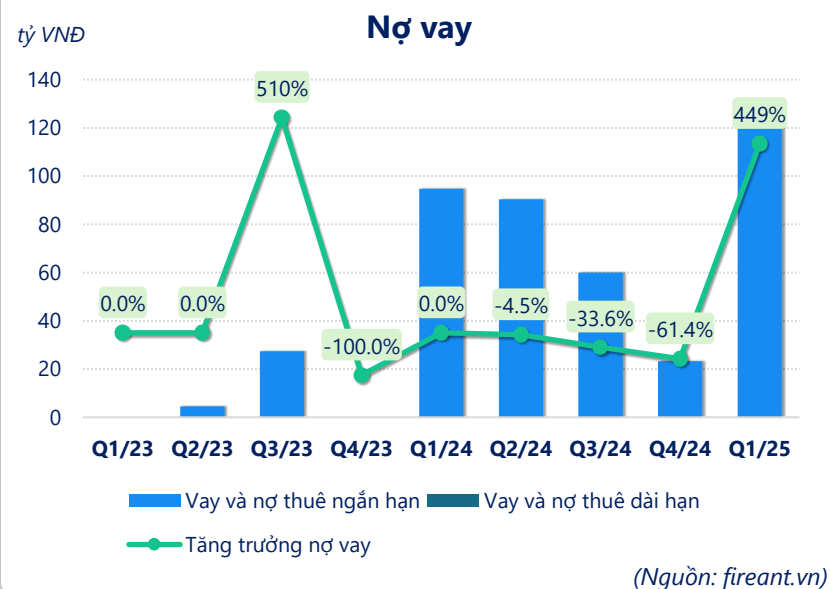
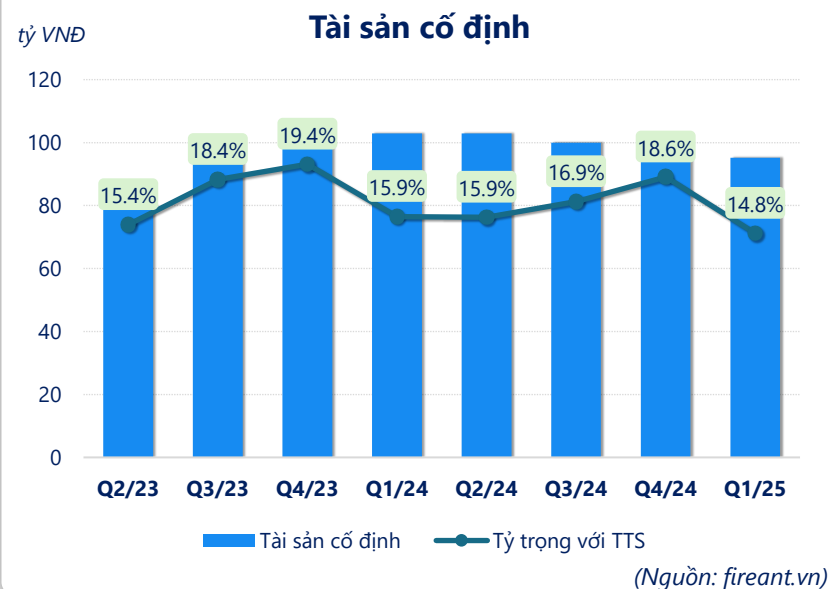
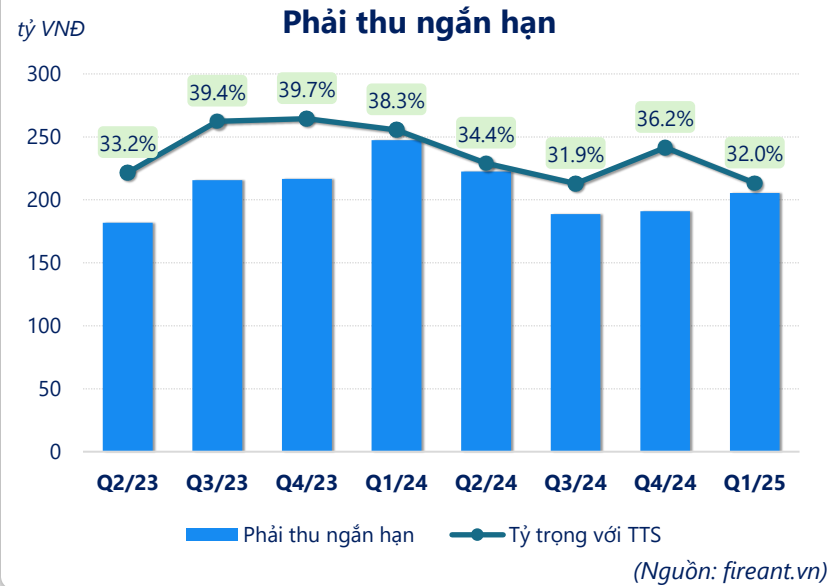
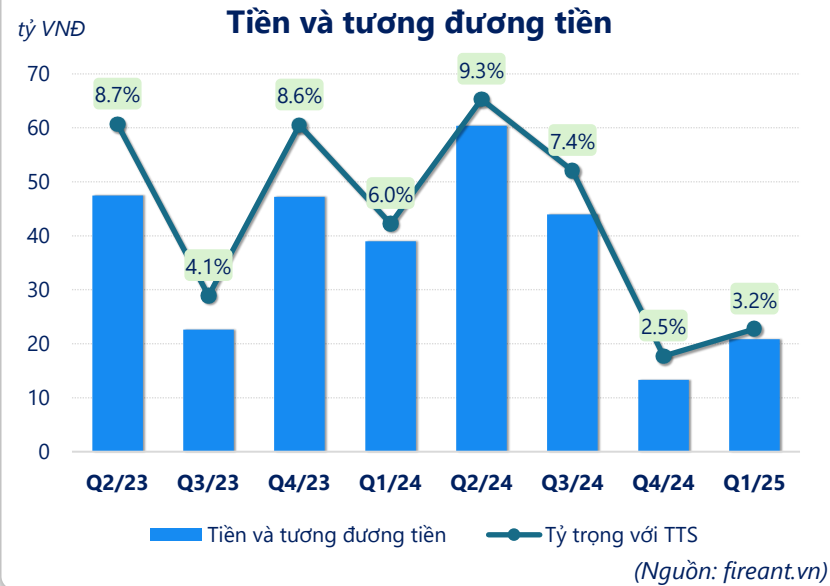
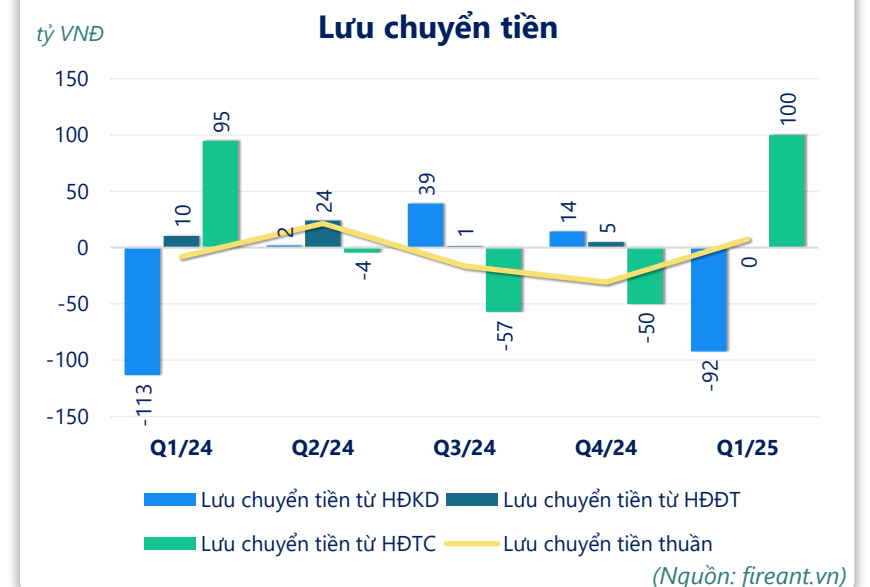
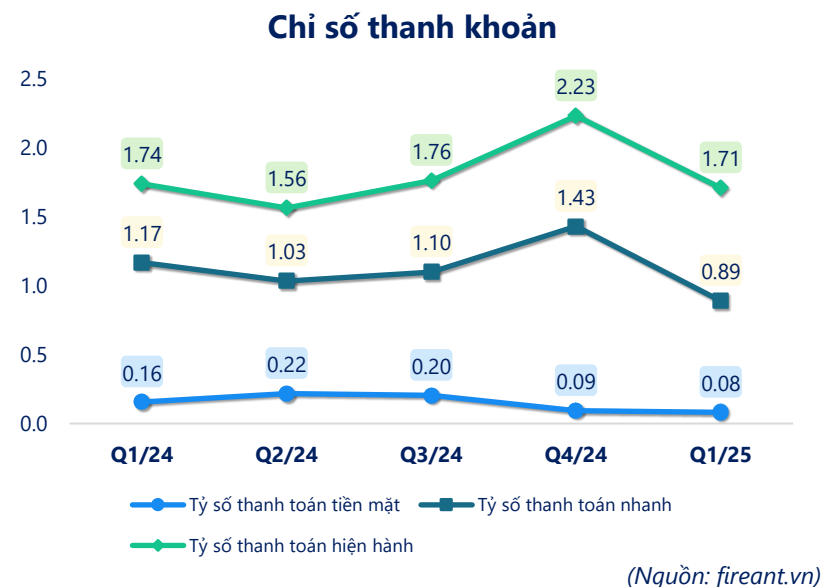
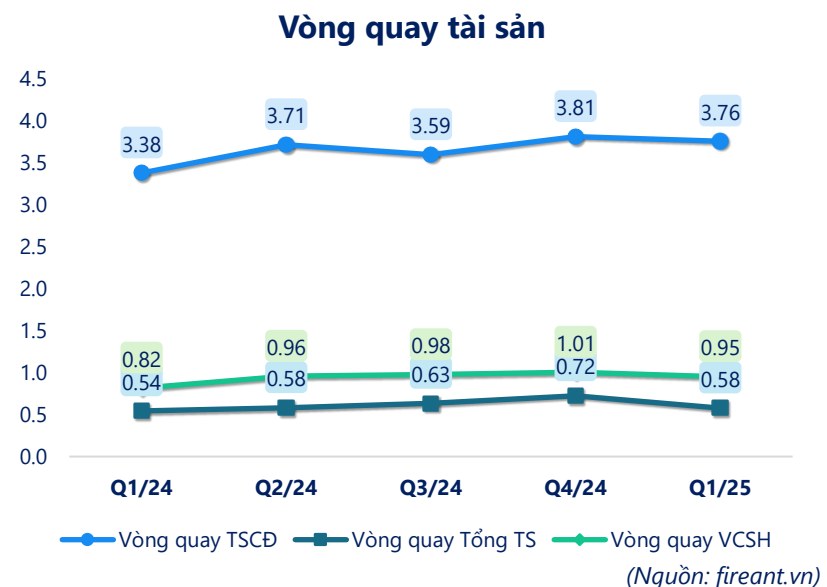
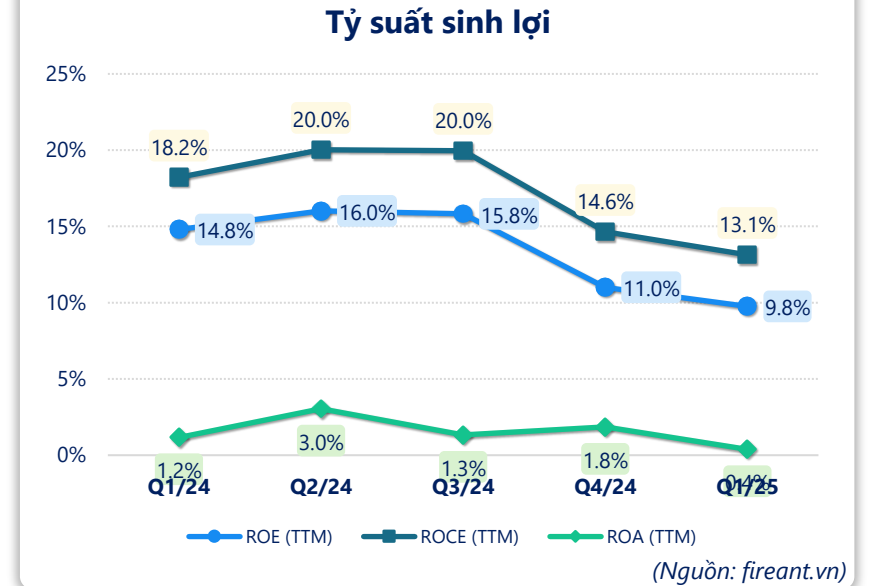
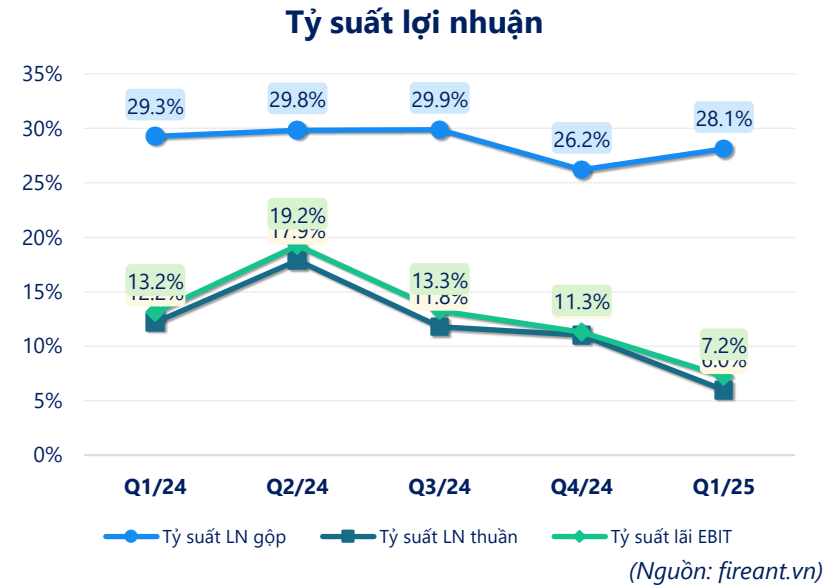
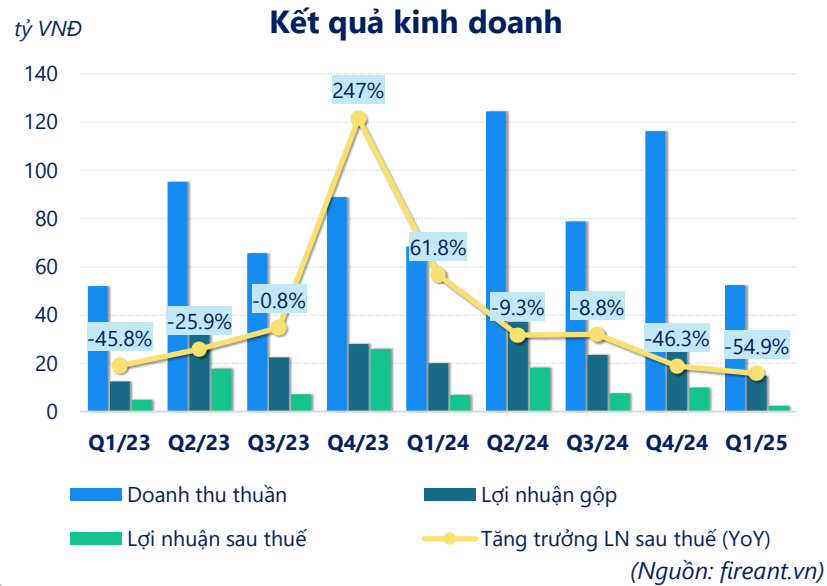


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,636
SL cổ phiếu LH		13,271,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		635
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		465
P/E		12.2
EPS		2,873

	YTD	1T	3T	6T
SSC	1.4%	-3.4%	1.4%	7.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	642	527	21.9%
Tài sản ngắn hạn	438	320	36.8%
Tiền và tương đương tiền	20.8	13.3	56.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	205	191	7.6%
Hàng tồn kho	210	115	82.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	1.23	35.9%
Tài sản dài hạn	204	206	-1.2%
Phải thu dài hạn	0.82	0	
Tài sản cố định	95.2	97.7	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.92	2.92	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	99.0	99.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.79	6.62	-12.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	256	144	78.5%
Nợ ngắn hạn	256	144	78.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	23.2	449%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	3.85	161%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	385	383	0.6%
Vốn chủ sở hữu	385	383	0.6%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	68.5	124	78.9	116	52.5
Giá vốn hàng bán	48.4	87.3	55.3	85.8	37.7
Lợi nhuận gộp	20.0	37.1	23.6	30.5	14.8
Doanh thu HĐTC	2.30	1.88	1.74	1.79	1.65
Chi phí TC	0.22	1.16	0.86	0.58	0.56
Chi phí lãi vay	0.18	1.12	0.88	0.54	0.56
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.97	6.00	6.08	7.74	4.45
Chi phí QLDN	7.79	9.60	9.06	11.1	8.25
LN thuần từ HĐKD	8.35	22.2	9.30	12.8	3.14
Lợi nhuận khác	0.49	0.58	0.27	-0.23	0.10
LN trước thuế	8.83	22.8	9.58	12.6	3.24
Lợi nhuận sau thuế	6.86	18.2	7.55	9.92	2.46
LNST của CĐ cty mẹ	6.86	18.2	7.55	9.92	2.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-113	1.82	39.2	14.4	-92.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.5	23.9	1.30	5.06	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	94.7	-4.30	-56.9	-50.1	99.9
Tiền đầu kỳ	47.2	39.0	60.4	44.0	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	-8.25	21.4	-16.4	-30.7	7.50
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	39.0	60.4	44.0	13.3	20.8

(Nguồn: fireant.vn)